

**CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**  
\*\*\*\*\*



**BÀI VIẾT**

**“PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG PHÂN BÓN,  
THÁNG 12 VÀ 12 THÁNG NĂM 2024”**

(Thuộc nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024)

# PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG PHÂN BÓN (Tháng 12 và 12 tháng năm 2024)

(Thuộc nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024)

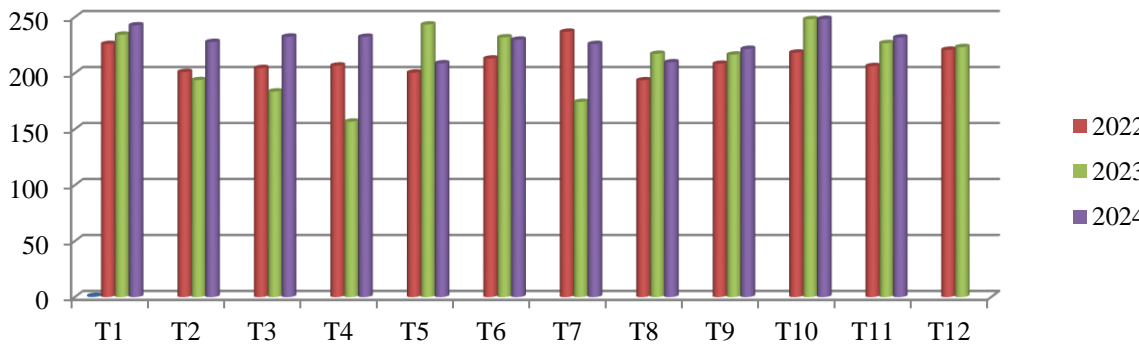
## I. NGUỒN CUNG

### 1. Tình hình sản xuất

Sản xuất phân bón trong nước vẫn duy trì đà tăng trưởng, cụ thể sản lượng sản xuất Urea trong tháng 11/2024 đạt 231,8 nghìn tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2024 sản lượng phân Urea sản xuất đạt 2.515,9 nghìn tấn, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2023.

**Biểu đồ 1: Sản lượng phân Urea sản xuất từ năm 2020 đến tháng 11/2024**

ĐVT: tấn

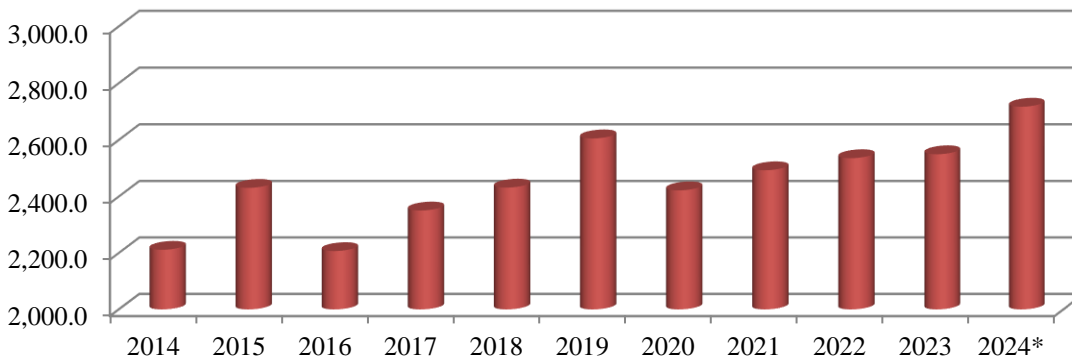


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Dự báo, sản lượng phân Urea năm 2024 ước đạt 2,75 triệu tấn tăng 7% so với năm 2023.

**Biểu đồ 2: Sản lượng phân Urea sản xuất qua các năm từ 2014 đến 2024**

ĐVT: tấn

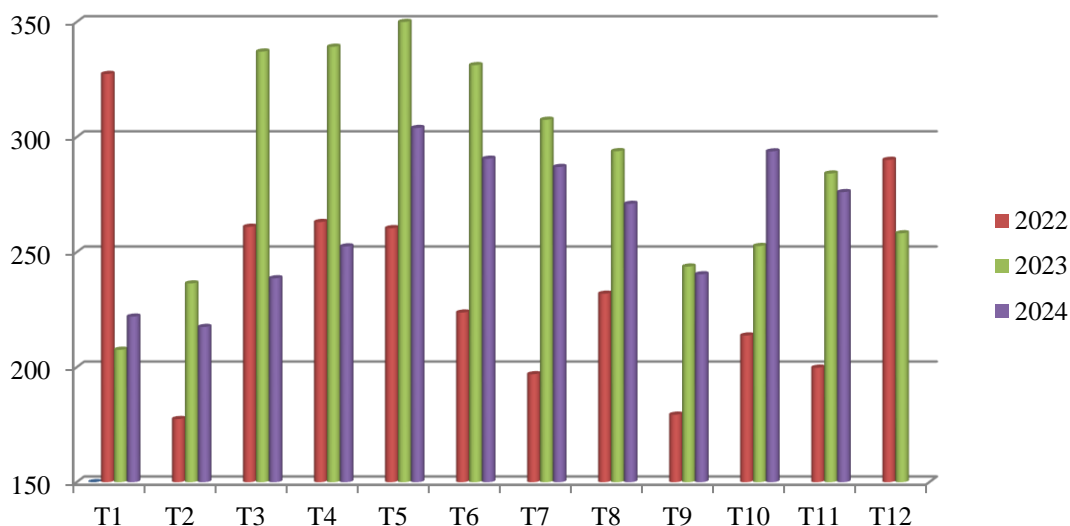


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Sản lượng phân NPK sản xuất trong tháng 11/2024 đạt 276,1 nghìn tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2024 sản lượng phân NPK sản xuất đạt 2.902,4 nghìn tấn, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm 2023.

**Biểu đồ 3: Sản lượng phân NPK sản xuất từ năm 2020 đến tháng 11/2024**

ĐVT: tấn

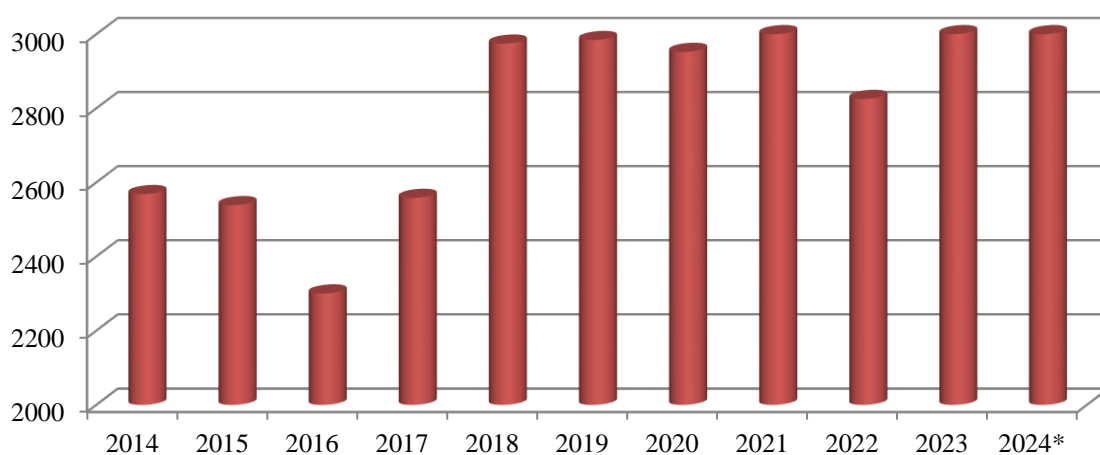


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Dự báo, sản lượng phân NPK năm 2024 ước đạt 3.128, nghìn tấn giảm 9,2% so với năm 2023.

**Biểu đồ 4: Sản lượng phân NPK sản xuất qua các năm từ 2014 đến 2024**

ĐVT: tấn



Nguồn: Tổng cục Thống kê

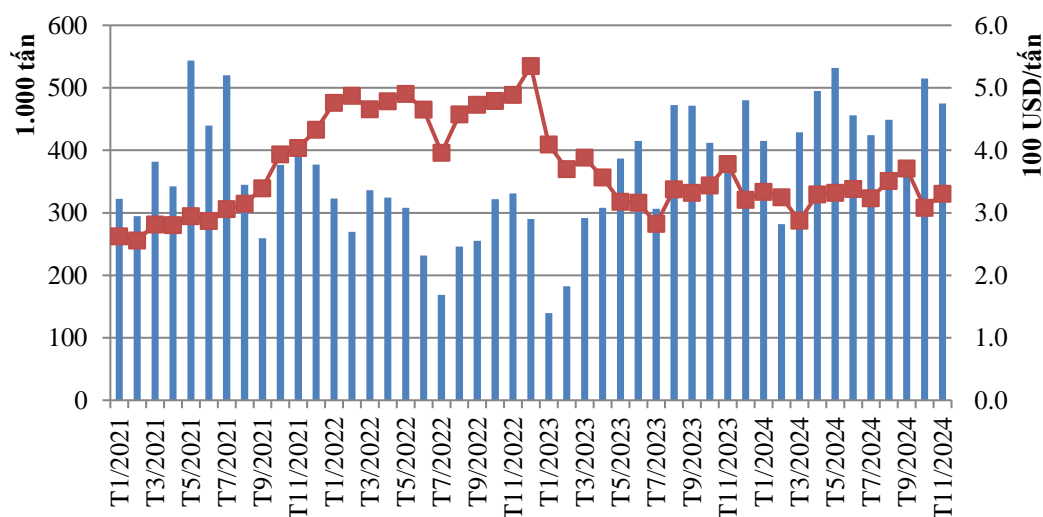
## 2. Tình hình nhập khẩu

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2024 nhập khẩu phân bón các loại đạt 474,8 nghìn tấn, kim ngạch đạt 157 triệu USD, giảm 7,8% về lượng, giảm 1% về kim ngạch so với tháng trước, nhưng so với cùng kỳ năm ngoái tăng 31,1% về lượng, tăng 27,1% về kim ngạch. Tính chung 11 tháng năm 2024 nhập

khẩu phân bón các loại đạt 4.820,3 nghìn tấn, kim ngạch đạt 1.588,8 triệu USD, tăng 30,9% về lượng và tăng 25,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Giá phân bón nhập khẩu trong tháng 11/2024 ở mức 330,7 USD/tấn, tăng 7,4% so với tháng 10/2024 nhưng giảm 12,5% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 11 tháng năm 2024 giá phân bón nhập khẩu trung bình đạt 348,3 USD/tấn, giảm 5,3% so với cùng kỳ năm 2023.

**Biểu đồ 5: Lượng và giá phân bón nhập khẩu trung bình trong năm 2019-T11/2024**



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

### - Thị trường phân bón nhập khẩu

Trong 11 tháng năm 2024, Trung Quốc vẫn đứng đầu về thị trường cung cấp phân bón cho Việt Nam, chiếm 42,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước, đạt gần 2,1 triệu tấn, kim ngạch đạt 673,5 triệu USD, giá trung bình 321,2 USD/tấn, tăng 14,7% về lượng, tăng 12,2% kim ngạch và tăng 3% về giá so với cùng kỳ năm 2023.

Tiếp đến thị trường Nga, chiếm 14,3% trong tổng kim ngạch với 545,6 nghìn tấn, kim ngạch đạt 227,8 triệu USD, giá trung bình 429,2 USD/tấn, tăng 135% về lượng, tăng 109,7% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Thứ ba là nhập khẩu từ thị trường Lào đạt 315,1 nghìn tấn, kim ngạch đạt 81,5 triệu USD, tăng 20% về lượng nhưng giảm 6,7% kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 5,1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước.

Nhìn chung, trong 11 tháng năm 2024 nhập khẩu phân bón từ đa số các thị trường tăng so với cùng kỳ năm 2023.

**Bảng 1: Thị trường nhập khẩu phân bón tháng 11 và 11 tháng năm 2024**

Thị trường	T11/2024		So với T10/2024		11T/2024		So với 11T/2023 (%)	
	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)
<b>Tổng</b>	<b>474.847</b>	<b>157.050</b>	<b>-7,8</b>	<b>-1,0</b>	<b>4.820.267</b>	<b>1.588.807</b>	<b>30,9</b>	<b>25,6</b>
Trung Quốc	256.575	85.156	9,9	19,9	2.103.982	673.479	14,7	12,2
Nga	42.821	18.266	-23,1	3,8	545.641	227.787	135,0	109,7
Lào	23.594	6.069	-15,4	-15,6	315.085	81.535	20,0	-6,7
Hàn Quốc	17.897	4.286	-55,7	-69,3	198.708	72.834	67,1	28,0
Canada	14.252	4.535	0,0	0,0	146.293	46.728	69,0	44,9
Indonesia	6.816	2.768	-7,5	103,9	124.503	41.069	23,5	8,9
Bỉ	10.534	3.881	-12,2	-6,6	103.623	38.220	41,0	47,3
Na Uy	3.238	1.975	-69,2	-69,8	66.507	37.437	49,4	44,7
Nhật Bản	30.975	2.787	-15,5	-22,2	360.337	33.251	11,9	10,2
Israel	497	487	-7,5	-34,6	81.229	32.072	34,1	19,9
Malaysia	1.316	471	-91,2	-90,7	76.562	27.083	137,6	106,8
Đài Loan	13.698	2.977	11,7	12,6	97.631	22.293	10,6	31,9
Đức	1.828	1.279	-48,2	-30,0	22.596	14.113	114,1	88,5
Philippines	4.400	1.971	-8,8	-9,0	23.177	10.722	0,7	-10,6
Hoa Kỳ	977	1.026	214,2	83,0	8.239	9.933	32,1	-4,2
Thái Lan	1.057	676	-84,8	-53,8	17.480	5.934	20,8	10,0
Ấn Độ	314	300	180,4	134,8	2.650	2.930	112,2	68,8
Ả Rập Xê Út	0	0	0	0	3.026	1.795	5.952,0	6.218,9

Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

## II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ

### 1. Tiêu thụ trong nước

Nhu cầu tiêu thụ cho lúa Đông Xuân 2024-2025 tại ĐBSCL đang dần gia tăng khi diện tích gieo sạ gia tăng. Cộng với mặt hàng nông sản được giá là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng tiêu thụ phân bón Việt Nam. Thời tiết thuận lợi và giá các loại nông sản ở mức cao sẽ là điều kiện tốt giúp người nông dân tăng cường chăm bón cho cây trồng, nâng cao năng suất, từ đó gia tăng nhu cầu sử dụng phân bón.

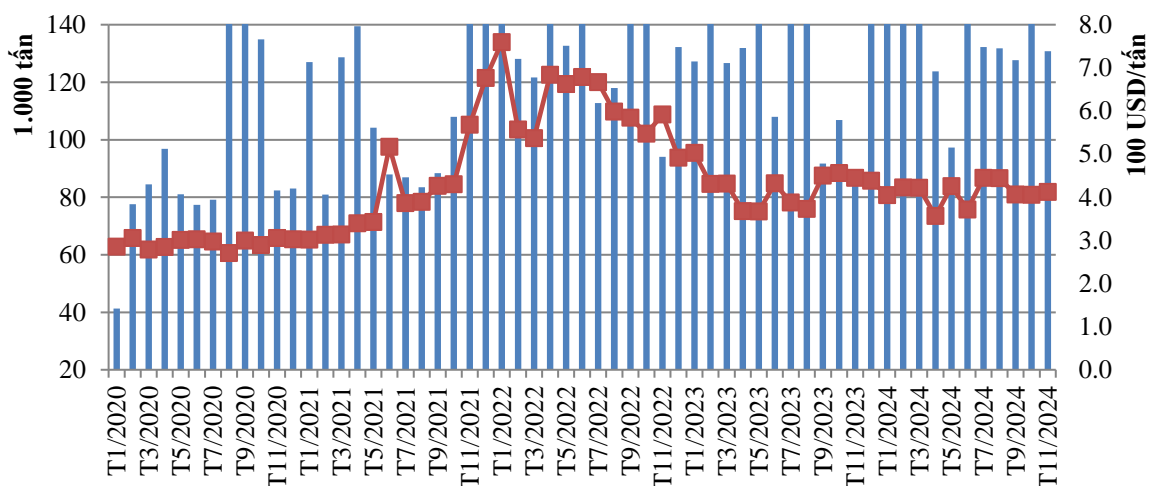
### 2. Tình hình xuất khẩu

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu phân bón trong tháng 11/2024 đạt 130,7 nghìn tấn, kim ngạch đạt 53,8 triệu USD, giảm 11,4% về khối lượng và giảm 10% về kim ngạch so với tháng trước; so với tháng 11/2023 tăng 10,9% về khối lượng, tăng 9,36% về kim ngạch. Tính chung 11 tháng năm 2024 xuất khẩu

phân bón đạt 1.571,9 nghìn tấn, kim ngạch đạt 644,5 triệu USD, tăng 13,7% về khối lượng và tăng 11,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Giá phân bón xuất khẩu trong tháng 11/2024 ở mức 411,8 USD/tấn, giảm 0,15% so với tháng 10/2024 và giảm 7,5% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 11 tháng năm 2024 giá phân bón xuất khẩu đạt 410,4 giảm 2,7% về giá so với cùng kỳ năm 2023.

**Biểu đồ 6: Lượng và giá phân bón xuất khẩu bình quân trong năm 2019-T11/2024**



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

### - Thị trường xuất khẩu

Trong 11 tháng năm 2024, lượng phân bón xuất khẩu sang thị trường Campuchia, chiếm 34,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu phân bón của cả nước, đạt 536,2 nghìn tấn, kim ngạch đạt 219,5 triệu USD, tăng 8,4% về khối lượng và tăng 5,5% kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

Tiếp đến là xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc chiếm trên 11,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu phân bón của cả nước, đạt 188,3 nghìn tấn, kim ngạch đạt gần 76,2 triệu USD, tăng 211,9% về khối lượng, tăng 230,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái.

Thứ ba là xuất khẩu sang thị trường Philippines chiếm 6,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu phân bón của cả nước, đạt 96,4 nghìn tấn, kim ngạch đạt 41,3 triệu USD, tăng 83,2% về khối lượng, tăng 73% so với cùng kỳ năm 2023.

Ngoài ra, xuất khẩu phân bón sang một số thị trường có mức tăng mạnh như Malaysia, Lào, Đài Loan, Nhật Bản, Mozambique với mức tăng lần lượt là 29,3%, 42,4%, 605,2%, 316,9%.

Nhìn chung, trong 11 tháng năm 2024 xuất khẩu phân bón sang đa số các thị trường đều tăng mạnh cả về lượng và kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023.

**Bảng 2: Thị trường xuất khẩu phân bón tháng 11 và 11 tháng năm 2024**

Thị trường	T11/2024	So với T10/2024	11T/2024	So với 11T/2023 (%)
------------	----------	-----------------	----------	---------------------

	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)
<b>Tổng</b>	<b>130.728</b>	<b>53.835</b>	<b>-11,4</b>	<b>-10,0</b>	<b>1.571.914</b>	<b>644.460</b>	<b>13,7</b>	<b>11,6</b>
Campuchia	57.609	22.141	-3,5	-4,5	536.161	219.515	8,4	5,5
Hàn Quốc	23.924	9.335	31,5	36,0	188.258	76.184	211,9	230,6
Philippines	12.774	5.217	-51,8	-46,2	96.438	41.335	83,2	73,0
Malaysia	4.536	1.651	22,3	14,3	100.299	38.161	15,8	29,3
Lào	6.132	2.513	36,1	16,9	59.801	24.761	35,1	42,4
Myanmar	6.673	3.456	862,9	909,3	47.515	23.520	2,4	-3,0
Đài Loan	1.424	544	-26,6	-26,8	38.796	15.756	613,8	605,2
Nhật Bản	1.648	720	-54,7	-53,0	28.846	12.399	317,2	316,9
Thái Lan	410	253	-65,0	-54,3	16.908	8.143	-13,0	-6,5
Mozambique	0	0		0	9.877	6.040	-48,6	-33,1

Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu từ TCHQ

### III. DIỄN BIẾN GIÁ

Giá Urea thế giới được hỗ trợ sau khi Ấn Độ thông báo mở thầu nhập khẩu. Cùng xu hướng chung với thế giới, giá Urea trong nước tăng do nhu cầu tăng tại khu vực ĐBSCL cho vụ lúa Đông Xuân 2024-2025. Cụ thể, giá một số chủng loại phân bón như sau:

Tại các tỉnh phía Bắc, giá Urea Phú Mỹ tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2023, lên mức 11.800 đ/kg; Giá Urea Trung Quốc tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2023, lên mức 10.700 đ/kg; Giá Lân Lào Cai là 4.100 đ/kg.

Tương tự, tại Đà Nẵng, giá Urea Phú Mỹ tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 2,6% so với cùng kỳ năm 2023, lên mức 11.800 đ/kg; Giá Urea Trung Quốc tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2023, lên mức 10.700 đ/kg; Giá Lân Lào Cai là 4.100 đ/kg.

Tại Qui Nhơn, giá Urea Phú Mỹ tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 2,6% so với cùng kỳ năm 2023, lên mức 11.800 đ/kg; Giá Urea Trung Quốc tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2023, lên mức 10.700 đ/kg; Giá Lân Lào Cai là 4.100 đ/kg.

Tại TP. Hồ Chí Minh, giá Urea Phú Mỹ tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2023, lên mức 11.400 đ/kg; Giá Urea Trung Quốc tăng 1% so với tháng trước và tăng 1% so với cùng kỳ năm 2023, lên mức 10.500 đ/kg; Giá Lân Lào Cai là 4.200 đ/kg.

Tại Tiền Giang, giá Urea Phú Mỹ tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2023, lên mức 11.500 đ/kg; Giá Urea Trung Quốc tăng 1% so với tháng trước và tăng 1% so với cùng kỳ năm 2023, lên mức 10.600 đ/kg; Giá Lân Lào Cai là 4.200 đ/kg.

**Bảng 3: Giá bán lẻ trung bình một số chủng loại phân bón tại các địa phương phương trong tháng 12/2024**

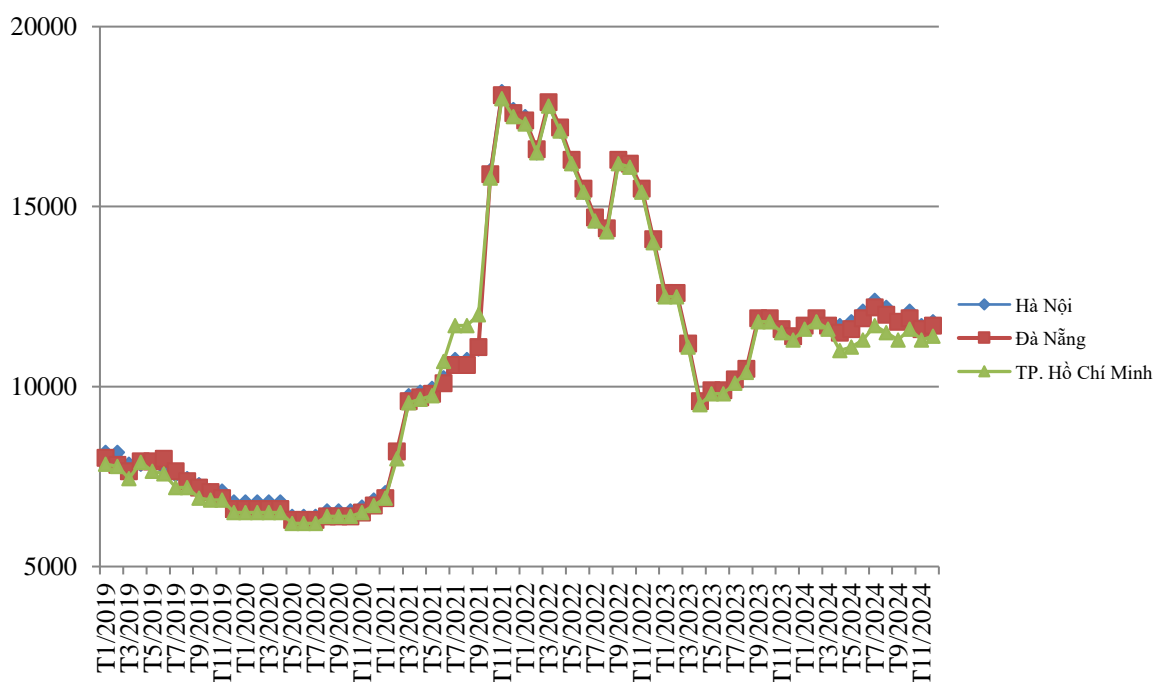
ĐVT: đ/kg

Thị trường	Chủng loại	Tháng 12/2024	So với tháng 11/2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Hà Nội	Urea Trung Quốc	10.700	0,9	1,9
	Urea Phú Mỹ	11.800	0,9	3,5
	Lân Lào Cai	4.100	0	0
Đà Nẵng	Urea Trung Quốc	10.700	0,9	1,9
	Urea Phú Mỹ	11.700	0,9	2,6
	Lân Lào Cai	4.100	0	0
Qui Nhon	Urea Trung Quốc	10.700	0,9	1,9
	Urea Phú Mỹ	11.700	0,9	2,6
	Lân Lào Cai	4.100	0	0
TP. Hồ Chí Minh	Urea Trung Quốc	10.500	1,0	1,0
	Urea Phú Mỹ	11.400	0,9	0,9
	Lân Lào Cai	4.200	0	0
Tiền Giang	Urea Trung Quốc	10.600	1,0	1,0
	Urea Phú Mỹ	11.500	0,9	0,9
	Lân Lào Cai	4.200	0	0

Nguồn: VITIC tổng hợp

**Biểu đồ 7: Giá Urea Phú Mỹ tại một số địa phương từ đầu năm 2019 đến nay**

ĐVT: đ/kg



Nguồn: VITIC tổng hợp



#### **IV. DỰ BÁO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Nhu cầu phân bón thế giới không có nhiều biến động trong khi nguồn cung dồi dào cộng với giá nguyên liệu đầu vào ở mức thấp nên giá phân bón sẽ tiếp tục ổn định.

Cùng với giá phân bón thế giới, nhu cầu phân bón phục vụ vụ Đông Xuân tăng nên giá phân bón có thể sẽ tăng nhẹ.

## MỤC LỤC

<b>I. NGUỒN CUNG.....</b>	<b>2</b>
<b>1. Tình hình sản xuất .....</b>	<b>2</b>
<b>2. Tình hình nhập khẩu .....</b>	<b>3</b>
<b>II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ .....</b>	<b>5</b>
<b>1. Tiêu thụ trong nước.....</b>	<b>5</b>
<b>2. Tình hình xuất khẩu .....</b>	<b>5</b>
<b>III. DIỄN BIẾN GIÁ.....</b>	<b>7</b>
<b>IV. DỰ BÁO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....</b>	<b>9</b>
<b>DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....</b>	<b>10</b>
<b>DANH MỤC BẢNG.....</b>	<b>10</b>

### DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Sản lượng phân Urea sản xuất từ năm 2020 đến tháng 11/2024.....	2
Biểu đồ 2: Sản lượng phân Urea sản xuất qua các năm từ 2014 đến 2024.....	2
Biểu đồ 3: Sản lượng phân NPK sản xuất từ năm 2020 đến tháng 11/2024.....	3
Biểu đồ 4: Sản lượng phân NPK sản xuất qua các năm từ 2014 đến 2024.....	3
Biểu đồ 5: Lượng và giá phân bón nhập khẩu trung bình trong năm 2019-T11/2024	4
Biểu đồ 6: Lượng và giá phân bón xuất khẩu bình quân trong năm 2019-T11/2024.	6
Biểu đồ 7: Giá Urea Phú Mỹ tại một số địa phương từ đầu năm 2019 đến nay.....	8

### DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Thị trường nhập khẩu phân bón tháng 11 và 11 tháng năm 2024 .....	5
Bảng 2: Thị trường xuất khẩu phân bón tháng 11 và 11 tháng năm 2024.....	6
Bảng 3: Giá bán lẻ trung bình một số chủng loại phân bón tại các địa phương phương trong tháng 12/2024 .....	8